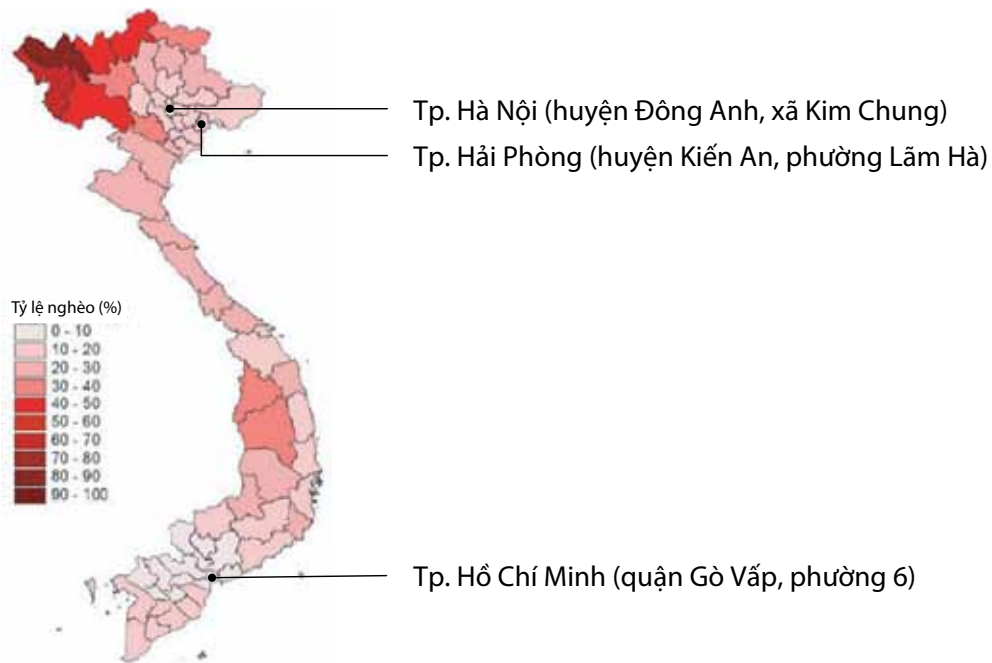


GIẢM NGHÈO ĐÔ THỊ TẠI VIỆT NAM: THÁCH THỨC MỚI, CÁCH TIẾP CẬN MỚI

Tóm tắt kết quả chính của Dự án Theo dõi Nghèo Đô thị 2008-2012



Giới thiệu

Tài liệu này tóm tắt những phát hiện chính của Báo cáo tổng hợp 5 năm (2008-2012) “Theo dõi Nghèo Đô thị theo Phương pháp Cùng tham gia”, do Oxfam và ActionAid, hai tổ chức phi chính phủ quốc tế với nhiều năm hỗ trợ người nghèo và thiệt thòi nhất ở Việt Nam, cùng thực hiện. Nghiên cứu này được triển khai sau khi Việt Nam chính thức là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào năm 2007.

Sáng kiến theo dõi nghèo được thực hiện theo phương pháp khảo sát lặp lại hàng năm tại 3 thành phố lớn là Hà Nội, Hải Phòng và thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn 2008-2012. Tại mỗi thành phố đã chọn một (1) phường

hoặc xã ở vùng ngoại vi đô thị có đông người nhập cư. Cụ thể, theo dõi nghèo đô thị được thực hiện tại xã Kim Chung (Đông Anh, Hà Nội), phường Lãm Hà (Kiến An, Hải Phòng) và phường 6 (Gò Vấp, TP HCM).

Dữ liệu hàng năm được tổng hợp từ các cuộc thảo luận nhóm với người nghèo, cận nghèo, không nghèo, người nhập cư, cán bộ cơ sở và phỏng vấn sâu hộ điển hình. Tổng cộng hàng năm có khoảng 500 người tham gia thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu, và 180 công nhân nhập cư hoàn thành bảng hỏi.

Báo cáo này đề xuất **tám khuyến nghị** cần hành động nhằm giảm nghèo tại khu vực đô thị.

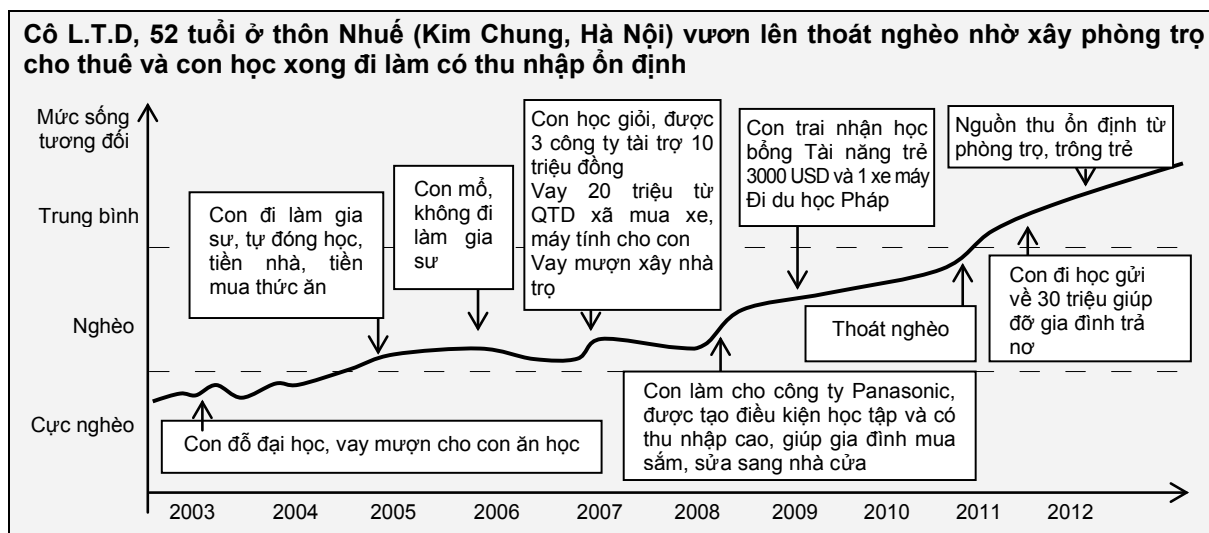
Tính đa chiều của nghèo đô thị: nghèo bản xứ và nghèo nhập cư

Nghèo bản xứ

Trong 5 năm qua, cuộc sống của đa số người nghèo đã được cải thiện, dù mức cải thiện còn chậm. **Nhiều hộ gia đình đã vươn lên thoát nghèo nhờ chiến lược chuyển đổi sinh kế và đầu tư cho giáo dục của con cái.** Trong bối cảnh đô thị hóa, việc bị thu hồi đất, thiếu học vấn và tay nghề có thể khiến một số hộ trở nên nghèo khổ hơn, nhưng cũng có thể giúp một số hộ khác có cơ hội chuyển đổi sinh kế để vươn lên, như xây phòng trọ cho thuê và buôn bán dịch vụ nhỏ. Nhiều hộ nghèo đã cố gắng vay mượn, tiết kiệm chi tiêu đầu tư cho con ăn học để sau này có việc làm ổn định với thu nhập cao hơn.

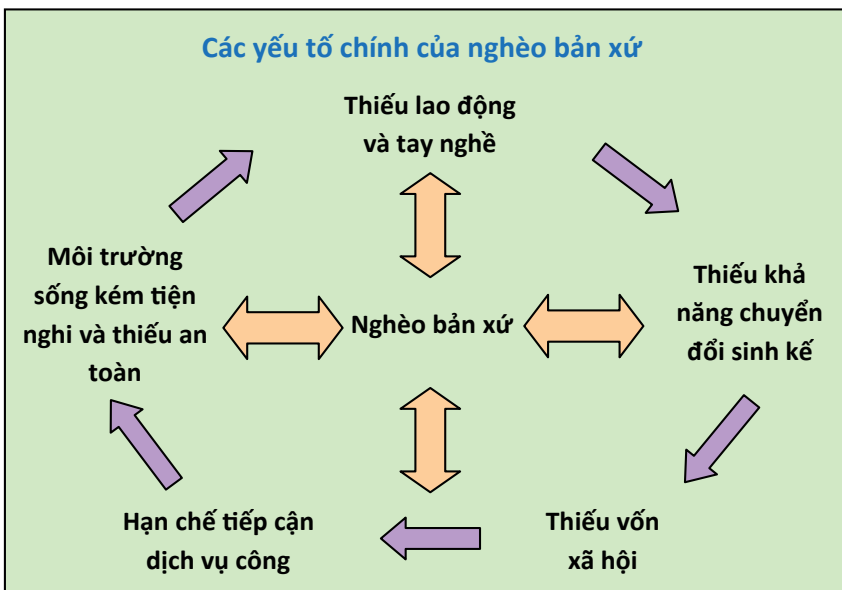
Người nghèo đô thị thường được phân thành hai nhóm rõ rệt: nghèo kinh niên (khó có khả năng thoát nghèo) **và nghèo tạm thời.** Nhóm nghèo kinh niên thường là các hộ đơn thân nuôi con nhỏ, già cả neo đơn, tàn tật, ốm đau dài ngày... Nhóm nghèo tạm thời có lao động nhưng do học vấn thấp, thiếu tay nghề nên họ khó tìm việc làm ổn định trong khu vực chính thức. Tuy nhiên nhóm nghèo tạm thời có thể làm các nghề lao động thủ công, nên một số có thể thoát nghèo.

Người nghèo đô thị có mối quan hệ xã hội chủ yếu với họ hàng hay những người cùng gia cảnh. Các mối quan hệ này rất quan trọng với người nghèo khi gặp rủi ro và khi có việc quan trọng trong cuộc sống. Tuy nhiên, người nghèo phải cắt giảm các chi phí xã hội ví dụ như giảm các chi phí lễ đám, nên các mối quan hệ xã hội của họ thường hạn hẹp.



Tỷ lệ nghèo tại các thành phố lớn đã ở mức thấp nếu xét đơn thuần theo các tiêu chí thu nhập hoặc chi tiêu. Tuy nhiên, **khi nhìn dưới góc độ nghèo đa chiều, tình trạng nghèo đô thị trầm trọng hơn nhiều.**

Thiếu lao động và tay nghề, thiếu khả năng chuyển đổi sinh kế, thiếu vốn xã hội, hạn chế tiếp cận dịch vụ công, môi trường sống kém tiện nghi và thiếu an toàn là 5 thiếu hụt cơ bản của người nghèo bản xứ.



Người nghèo đô thị gặp khó khăn trong việc tiếp cận các dịch vụ công. Khó khăn lớn nhất là các chi phí giáo dục cao và ngày càng tăng. Người nghèo gặp bất lợi khi khám chữa bệnh, do thiếu tiền để trang trải các chi phí phát sinh, do tình trạng quá tải của các bệnh viện, do sự suy giảm chất lượng dịch vụ cho người nghèo. Nhiều người nghèo khó tiếp cận các chính sách an sinh xã hội.

Chất lượng nhà ở, sở hữu đồ đạc (tivi, xe máy, điện thoại) và dịch vụ nhà ở của hộ nghèo tại các điểm khảo sát đã cải thiện đáng kể trong 5 năm qua. Tuy nhiên, tình trạng sở hữu nhà đất bấp bênh, chưa có “sổ đỏ” vẫn khá phổ biến trong nhóm hộ nghèo. Tình trạng ô nhiễm môi trường nặng nề và thiếu không gian công cộng khiến cho môi trường sống kém tiện nghi và thiếu an toàn cho các gia đình và trẻ em.

Nghèo nhập cư

Người nhập cư chiếm một tỷ trọng lớn và ngày càng tăng trong tổng số dân cư của các địa bàn khảo sát, dù tốc độ tăng của dòng nhập cư đã chậm lại từ năm 2010 trở lại đây. Tại xã Kim Chung (Đông Anh, Hà Nội), số người nhập cư hiện hơn gấp đôi số người bản xứ. Nhu cầu dịch vụ của người nhập cư tăng lên giúp đa dạng hóa và cải thiện nguồn thu nhập của người dân bản xứ như cho thuê nhà trọ, buôn bán nhỏ, dịch vụ ăn uống và trông giữ trẻ.

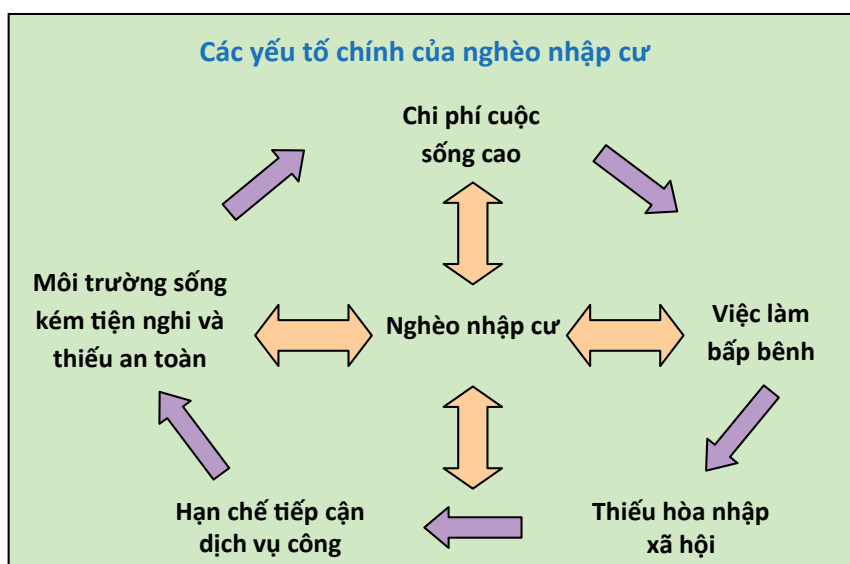
Xét đơn thuần về thu nhập hoặc chi tiêu, người nhập cư thường không thuộc diện nghèo. Tuy nhiên, tình trạng nghèo của người nhập cư (lao động tự do hoặc làm công nhân) trầm trọng hơn nhiều khi nhìn dưới góc độ đa chiều, thể hiện ở 5 chiều thiếu hụt chính: chi phí cuộc sống cao; việc làm bấp bênh; thiếu hòa nhập xã hội; hạn chế tiếp cận dịch vụ công; môi trường sống kém tiện nghi và thiếu an toàn.

Chi phí cuộc sống tăng cao trong khi thu nhập không tăng tương xứng là khó khăn được nhắc đến nhiều nhất trong nhóm nhập

cư. Giá phòng trọ, điện, lương thực đã liên tục tăng trong 5 năm qua. Nhiều người nhập cư phải chịu tổn kém hơn cho các khoản chi phí bổ sung như điện thoại, quần áo và các chi phí xã hội khác. Chi phí tăng làm giảm khoản tiền tiết kiệm và tiền gửi về nhà của người nhập cư, và cũng làm giảm nguồn ngân quỹ dành cho thực phẩm và các khoản chi thiết yếu khác.

Trong 5 năm qua, xu hướng cả 2 vợ chồng nhập cư ở cùng con nhỏ đang tăng lên. Những hộ nhập cư cùng con nhỏ phải tốn thêm chi phí thuê phòng trọ riêng, và tốn thêm chi phí chăm sóc và cho con đi học.

Tính bất ổn định về việc làm của người nhập cư khá cao. Người nhập cư đang đảm nhiệm nhiều loại nghề tại các đô thị mà đa số người bản xứ không muốn làm, như nghề phụ hồ và giúp việc gia đình. Chính sách quản lý đô thị ngày càng chặt chẽ cũng ảnh hưởng bất lợi đến nhóm nhập cư làm nghề bán hàng rong.



Ngày càng có nhiều người nhập cư trở về quê. Công nhân nhập cư quê ở phía Bắc, trước đây vào Nam kiếm sống, nay có xu hướng chuyển dần ra phía Bắc do thu nhập không đáp ứng được chi phí cuộc sống tại thành phố. Hơn nữa, tại quê cũng đã có nhiều khu công nghiệp (KCN) thu hút lao động nên nhiều người muốn trở về làm gần nhà để gần gũi gia đình, cho con ăn học.

Do việc tiếp cận với hệ thống an sinh xã hội và các dịch vụ khác như giáo dục và y tế phụ thuộc vào việc có “hộ khẩu”, nên người nhập cư khó tiếp cận với các hỗ trợ dành cho người bản

xứ. Nhiều trường công lập quá tải nên nhiều trẻ em nhập cư (đặc biệt ở bậc học Mẫu giáo) phải học ở các trường dân lập với chi phí cao hơn (và chất lượng thường kém hơn).

không có tích lũy, do đó tính dễ bị tổn thương càng tăng. Các doanh nghiệp cũng gặp nhiều khó khăn trong đảm bảo việc làm, quỹ lương và các trợ cấp khác cho người lao động. Để

chống đỡ với giá cả tăng, người nhập cư tăng cường mối liên kết với quê nhà của họ, một số người nhập cư mang gạo, rau và trứng từ quê nhà lên thành phố để giảm chi phí sinh hoạt.

Khủng hoảng tài chính thế giới cuối 2008 - 2009

tác động mạnh đến nhóm công nhân làm việc trong các ngành xuất khẩu. Vào giai đoạn khó khăn nhất, nhiều doanh nghiệp trong các ngành giày da, may mặc, lắp ráp điện tử... phải cắt giảm công nhân với số lượng lớn. Những công nhân còn lại không có tiền tăng ca, đa số chỉ được nhận 50-70% lương cơ bản do phải nghỉ dần việc, nghỉ luân phiên chờ việc. Nhiều công nhân trở về quê hoặc đi tìm công việc khác. Đến giữa năm 2009, khi đơn hàng bắt đầu phục hồi, các doanh nghiệp lại ở trong tình trạng thiếu lao động, mức độ biến động công nhân rất cao.

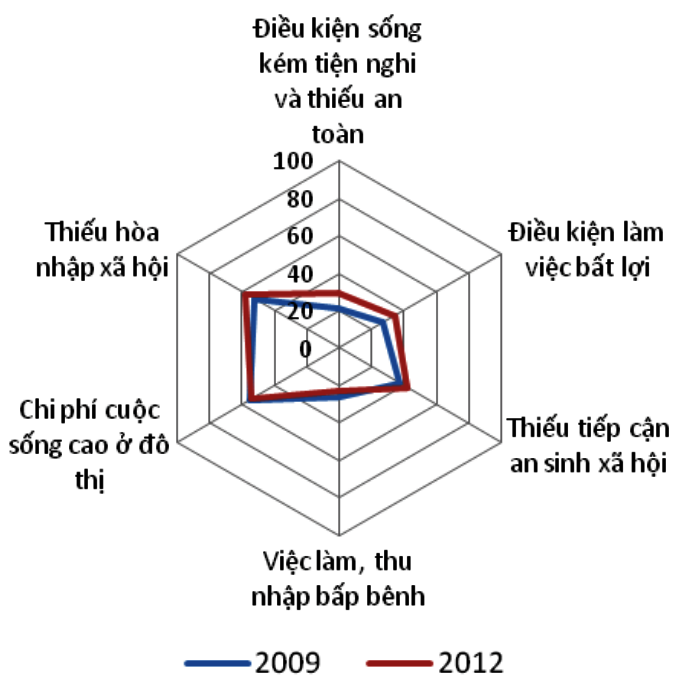
Trong bối cảnh khủng hoảng, nữ công nhân dễ bị tổn thương hơn so với nam công nhân.

Nữ giới thường tập trung trong các ngành thâm dụng lao động như may mặc, giày da và lắp ráp - những ngành nhạy cảm hơn với biến động của thị trường xuất khẩu. Nữ công nhân còn gặp bất lợi khi có bầu, sinh con nên dễ bị mất việc làm hơn so với nam công nhân.

Khó khăn kinh tế trong nước năm 2012 là rủi ro mới nhất, đặc biệt gây khó khăn cho các doanh nghiệp hướng tới thị trường nội địa. Nhiều doanh nghiệp phải cắt giảm tới 50% công nhân. Nhiều doanh nghiệp đã ngừng

Bất lợi đa chiều của công nhân nhập cư

Nhóm công nhân nhập cư gặp bất lợi đa chiều và phải đối mặt với đa cú sốc, làm bộc lộ rõ tính bất ổn định nghề nghiệp. Một số công nhân mất việc hoặc thiếu việc làm phải tìm công việc khác hoặc về quê. Dựa trên số liệu phỏng vấn phiếu hỏi có thể đo lường 6 chiều thiếu hụt chính theo cảm nhận của công nhân nhập cư. Trong đó, “chi phí cuộc sống cao” và “thiếu hòa nhập xã hội” là 2 chiều thiếu hụt cao nhất. Các chiều thiếu hụt “điều kiện sống kém tiện nghi và thiếu an toàn”, “điều kiện làm việc bất lợi”, “thiếu hòa nhập xã hội” và “thiếu tiếp cận an sinh xã hội” trong mẫu khảo sát năm 2012 tăng nhẹ so với mẫu khảo sát năm 2009.



Tính dễ bị tổn thương: các cú sốc liên tục và đồng thời

Trong vòng 5 năm qua, người nghèo đô thị phải đương đầu với nhiều cú sốc.

Lạm phát cao trong 5 năm qua, diễn hình là năm 2008 và 2011 khiến chi phí cuộc sống tăng và sức mua giảm. Phần lớn hộ nghèo

sản xuất kinh doanh nhưng do các thủ tục pháp sản phức tạp nên vẫn tồn tại trên danh nghĩa.

Riêng khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài hướng tới thị trường xuất khẩu (như các công ty Nhật Bản tại KCN Bắc Thăng Long, Hà Nội) công việc vẫn tương đối đều, việc làm và thu nhập của công nhân tại đây không bị ảnh hưởng lớn.

Lao động ở khu vực chính thức: Công nhân tay nghề thấp làm việc trong những ngành hướng tới thị trường nội địa (xây dựng, xe máy, cơ khí, nhựa, bao bì...) thiếu việc làm trầm trọng hơn các ngành khác. Số liệu phỏng vấn công nhân nhập cư năm 2012 cho thấy, gần 1/3 số công nhân bị giảm thu nhập so với bình thường (năm 2011 chỉ có 14%), trong đó nữ công nhân và công nhân mới vào làm việc bị ảnh hưởng nhiều hơn. Hơn 1/2 công nhân nhập cư cho biết không gửi tiền về nhà.

Lao động ở khu vực phi chính thức: Nhu cầu xây dựng giảm mạnh, làm giảm cơ hội việc làm của lao động tự do liên quan đến ngành xây dựng. Người dân thất chặt chi tiêu khiến thu nhập của nhóm buôn bán nhỏ bị ảnh hưởng đáng kể.

Vận động đóng góp: Suy giảm kinh tế khiến cho việc vận động doanh nghiệp tham gia các hoạt động xã hội hóa, hỗ trợ người nghèo khó khăn hơn nhiều so với mọi năm. Mặt trận tổ quốc, các tổ dân phố cũng giảm hoặc ngừng vận động người dân, mạnh thường quân làm các công việc chung ở cơ sở trong năm 2012.

An sinh xã hội

Bảo hiểm

Bảo hiểm xã hội (BHXH) tự nguyện còn xa lạ với hầu hết người dân. Hầu hết công nhân trong các công ty nước ngoài hoặc doanh nghiệp trong nước có quy mô lớn được đóng các loại bảo hiểm. Nhưng một số doanh nghiệp tư nhân quy mô nhỏ vẫn trốn tránh trách nhiệm đóng bảo hiểm.

Hộ nghèo, đối tượng chính sách tại các điểm quan trắc được cấp thẻ bảo hiểm y tế (BHYT) miễn phí. Thẻ BHYT có ý nghĩa lớn với những người có bệnh mãn tính, điều trị dài hạn phải

nằm viện. Việc mua BHYT tự nguyện của người dân đã tăng lên trong những năm gần đây. Tuy nhiên, số thẻ BHYT bán ra còn quá nhỏ so với qui mô dân số của mỗi địa phương do người dân lo ngại mất nhiều thời gian chờ đợi và chất lượng khám chữa bệnh không đảm bảo.

Các chương trình trợ cấp tiền mặt hiện hành

Trợ cấp tiền mặt theo Nghị định 67 và Nghị định 13¹ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội (BTXH) đỡ được một phần chi phí sinh hoạt. Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 49² đã giúp hộ nghèo giảm được một phần các khoản đóng góp cho nhà trường. Tuy nhiên, mức hỗ trợ còn thấp so với mặt bằng giá cả hiện nay, có ít tác động thực tế đến giáo dục và y tế.

Đối tượng hưởng lợi theo chính sách trợ cấp tiền mặt còn hẹp, chưa bao quát được những đối tượng khó khăn cần trợ giúp. Hầu hết hộ gặp rủi ro đột xuất như đau ốm, tai nạn khiến đời sống đi xuống không được trợ cấp hàng tháng, và hầu hết người nhập cư chưa được tiếp cận với các chính sách trợ cấp tại nơi tạm trú. Một số người đủ tiêu chuẩn hưởng trợ cấp tiền mặt nhưng không nắm được chính sách và thủ tục, không thể tự làm hồ sơ như quy định, hoặc do ngại liên hệ với các cơ quan hành chính.

Tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin và hỗ trợ người dân làm hồ sơ hưởng trợ cấp. Tuy nhiên, tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn cũng chỉ biết một số thông tin (không chi tiết) về Nghị định 67 và 13, và biết rất ít thông tin về Nghị định 49 và các chính sách hỗ trợ khác.

Cán bộ cơ sở đề xuất cần cải tiến chính sách trợ cấp tiền mặt theo hướng hợp nhất với thủ tục đơn giản, vì ***hiện nay có quá nhiều chính sách xã hội với cách thức làm hồ sơ và thanh toán khác nhau.***

¹ Chính sách Trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung theo Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27/2/2010 của Chính phủ.

² Chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ.

Đề xuất về thiết kế chương trình trợ cấp tiền mặt trong tương lai

Các nhóm cán bộ cơ sở, người nghèo và người không nghèo tại các điểm khảo sát được đề nghị nêu các đề xuất về chương trình trợ cấp tiền mặt trong tương lai, bao gồm xác định đối tượng thụ hưởng, mức hỗ trợ tối thiểu, phương pháp thanh toán và các hoạt động hỗ trợ kèm theo.

Tất cả các nhóm thảo luận đều cho rằng, **xác định đối tượng thụ hưởng chính sách trợ cấp tiền mặt nên căn cứ vào nhiều yếu tố gia cảnh, không chỉ phụ thuộc vào thu nhập**. Những hộ gia đình đông con hoặc ốm đau nên được hỗ trợ. Chuẩn nghèo thu nhập của Chính phủ (dù đã tăng từ năm 2011) vẫn còn thấp so với mặt bằng giá cả, nếu chỉ căn cứ vào đây để xét đối tượng nhận hỗ trợ thì nhiều trường hợp thực sự cần hỗ trợ khác sẽ bị bỏ qua.

Nhóm người nghèo, nhóm BTXH thường không muốn xác định mức tiền hỗ trợ tối thiểu cho gia đình mình. Họ cho rằng, chính sách trợ cấp “cho bao nhiêu là quý bấy nhiêu”, “không dám đòi hỏi”. **Đề xuất về mức trợ cấp tối thiểu lớn hơn mức quy định hiện nay (theo Nghị định 67 và Nghị định 13)**, chủ yếu được nhóm cán bộ cơ sở nêu ra.

Cách chi trả tại trụ sở phường/xã được hầu hết nhóm ở đô thị cho là phù hợp, lý do là: (i) Người nghèo đô thị hay di chuyển, chi trả ở phường dễ xác định hộ đó còn ở địa bàn hay không; (ii) Người dân sẽ ý thức được đây là khoản tiền hỗ trợ của Nhà nước, có tính khích lệ với bản thân họ hơn; (iii) Cán bộ địa phương sẽ dễ dàng hơn trong việc tư vấn, theo dõi việc sử dụng tiền của người nhận.

Hầu hết các nhóm đều thấy **cần có người tư vấn, hướng dẫn cho các đối tượng được nhận trợ cấp tiền mặt**. Nhóm cán bộ cho rằng, nên giao việc tư vấn cho các đoàn thể (Hội Phụ Nữ) phối hợp với tổ trưởng tổ dân phố, vì cho rằng đây là nhóm nắm rõ nhất đời sống của từng hộ gia đình. Các nhóm khác cho rằng, cán bộ XĐGN là người tư vấn phù hợp nhất vì các cán bộ này có chuyên môn, có thể đưa ra những lời khuyên tốt cho người dân.

Học vấn và tay nghề

Học vấn

Tại các điểm khảo sát, sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS), đa số các em học tiếp lên trung học phổ thông (THPT), chỉ có tỷ lệ rất nhỏ dừng học đi làm. Những em dừng học ở bậc THCS để đi làm thường thuộc gia đình khó khăn; hậu quả là các em khó tìm được việc làm tốt, gặp nhiều hạn chế trong việc nâng cao học vấn tay nghề. Tỷ lệ các em tốt nghiệp THPT học lên những trường đại học (ĐH) “tốp trên” không nhiều. Tỷ lệ các em tốt nghiệp THPT đi học các trường ĐH “tốp dưới”, cao đẳng (CĐ), trung cấp chiếm số lượng lớn³. Ví dụ, tại xã Kim Chung (Hà Nội) chỉ có 1 phần 10 số thanh niên thi đỗ các trường trung cấp, CĐ và ĐH là vào học tại các trường “tốp trên” trong thành phố. Tỷ lệ các em tốt nghiệp THPT đi học các trường nghề còn thấp.

Tỷ lệ các em học xong THPT rẽ ngang đi làm không cao ở các vùng nội thành, nhưng rất cao tại các vùng ngoại thành. Tại phường Lãm Hà (Hải Phòng) và phường 6 (Gò Vấp, TP HCM), chỉ có dưới 10% thanh niên học xong THPT đi làm ngay; còn tại xã Kim Chung (Hà Nội) có khoảng 1 phần 3 thanh niên học xong THPT đi làm ngay. Hầu hết thanh niên cho rằng tự bản thân họ quyết định việc nghỉ học. Tâm lý dẫn thân, muốn kiếm tiền để sống tự lập khiến nhiều thanh niên đi làm ngay sau khi tốt nghiệp THPT. Chi phí học CĐ, ĐH rất lớn là một lý do quan trọng. Những sinh viên ngoại tỉnh theo học CĐ, ĐH tại các thành phố lớn thường phải chi phí tối thiểu khoảng 2,5 - 3 triệu đồng/tháng, đây là số tiền khá lớn so với đa số gia đình ở nông thôn. Lo ngại xin việc làm khó khăn do không có quan hệ/quyền thế cũng là một lý do không đi học tiếp của nhiều bạn thanh niên.

Học sinh đô thị có nhiều kênh thông tin hướng nghiệp, nhưng vẫn thiếu các thông tin chuyên sâu và khách quan. Học sinh đô thị có nhiều lựa chọn để thích ứng với thị trường lao động rộng lớn tại các thành phố. Tuy nhiên, học sinh ngoại thành và nông thôn vẫn thiếu thông tin hướng nghiệp. Sự tư vấn

³ Các nhóm thảo luận thường chia các trường ĐH ra thành 2 nhóm: “tốp trên” và “tốp dưới”. “Tốp trên” là những trường quốc gia lớn, có điểm thi đầu vào cao, có truyền thống đào tạo tốt, sinh viên tốt nghiệp những trường này có khả năng xin việc cao hơn (chất lượng đào tạo được coi là tốt hơn, nhà tuyển dụng ưu tiên hơn). “Tốp dưới” là những trường dân lập, trường mới nâng cấp từ CĐ lên ĐH ở các tỉnh, các vùng với điểm đầu vào thấp hơn (một số trường chỉ cần đủ điểm sàn của Bộ GD-ĐT là học sinh được xét tuyển), truyền thống đào tạo còn ít, chưa được người dân và các nhà tuyển dụng tin tưởng.

của các trường trung cấp, CĐ, ĐH là một kênh thông tin đối với học sinh trước mỗi kỳ tuyển sinh, tuy nhiên, nhiều trường đưa thông tin thiếu khách quan.

Tâm lý trọng bằng cấp vẫn còn khá nặng nề, dẫn đến nhiều phụ huynh và học sinh quan tâm đầu tiên đến việc đỗ ĐH, ít quan tâm đến cơ hội việc làm sau tốt nghiệp. Vẫn còn một bộ phận thanh niên chỉ quan tâm tới việc chọn trường vừa sức thi, chọn ngành học theo ngẫu hứng.

Việc làm và tay nghề

Tâm lý muốn làm trong khu vực công của thanh niên ở khu vực đô thị đã giảm so với trước đây. Hiện nay, các bạn thanh niên hướng đến việc làm tại khu vực tư nhiều hơn, do: (i) Cơ hội việc làm nhiều hơn; (ii) Yếu tố “quan hệ” ít quan trọng hơn so với khu vực công; (iii) Đãi ngộ cho người lao động dựa trên năng lực và hiệu quả công việc là chính; (iv) Dịch chuyển việc làm (“nhảy việc”) giữa các công ty dễ dàng hơn. Một số bạn còn cho rằng, những bạn trẻ chỉ muốn làm trong khu vực công thường có phần năng lực hạn chế, ỷ lại vào quan hệ và quyền thế của gia đình.

Việc áp dụng những kiến thức đã học vào công việc sau khi ra trường còn hạn chế. Hầu hết thanh niên trình độ Trung cấp, CĐ, ĐH gặp nhiều khó khăn để thích nghi với công việc. Những người học các trường kỹ thuật phần nào nhiều nhất do chương trình học nặng về lý thuyết, máy móc thực hành lạc hậu.

Một số nhà tuyển dụng cho rằng, **rất ít người tốt nghiệp có các kỹ năng cần thiết.** Các doanh nghiệp tuyển dụng lao động về ngành kỹ thuật còn đánh giá cao chất lượng lao động thanh niên đã tốt nghiệp một số trường nghề có uy tín hơn là những người đã tốt nghiệp CĐ, ĐH (cùng chuyên ngành) do có kiến thức thực tế hơn và yêu cầu mức lương phù hợp với doanh nghiệp hơn.

Hiện tượng đi làm trái ngành sau khi tốt nghiệp khá phổ biến. Nhiều thanh niên học xong trung cấp, CĐ, ĐH phải đi làm công nhân tay nghề thấp. Một số sinh viên lựa chọn đi làm thêm trong quá trình đi học, thường làm trong các lĩnh vực liên quan đến ngành học của mình để sau này có kinh nghiệm và kỹ năng thực tế. Một số nhà tuyển dụng tại Gò Vấp cho rằng, những bạn sinh viên vừa

học vừa làm có ưu thế hơn hẳn so với những bạn chưa từng đi làm.

Những thanh niên đã tốt nghiệp THPT không khó tìm việc làm tại các nhà máy hoặc KCN. Họ thường xin việc thông qua giới thiệu của người thân hoặc bạn bè đang làm việc tại nhà máy, tiếp đến là qua thông báo tuyển người tại cổng nhà máy. Tuy nhiên, **lao động học vấn thấp, không có tay nghề ngày càng gặp khó khăn khi đi xin việc,** do hiện nay các doanh nghiệp ưu tiên lao động có tay nghề và có học vấn tối thiểu tốt nghiệp THPT. Trong bối cảnh khó khăn kinh tế năm 2012, nhiều doanh nghiệp phải cắt giảm nhân công, đối tượng cắt giảm chủ yếu là lao động phổ thông tay nghề thấp.

Công nhân nhập cư chủ yếu học được tay nghề kỹ thuật tại nơi làm việc. Có 78% công nhân trong mẫu khảo sát năm 2012 cho biết học được “tay nghề kỹ thuật” tại nơi làm việc. Dưới 10% công nhân cho biết họ học được các kỹ năng khác như ngoại ngữ, vi tính, kiến thức quản lý và các kỹ năng mềm. Tuy nhiên, **đa số công nhân nhập cư không đánh giá cao hiệu quả của các kỹ năng học được tại nơi đang làm việc khi đi xin việc mới, do họ chỉ quen làm một số thao tác nhất định trong dây chuyền công nghiệp.**

Sau khi đi làm một thời gian, một bộ phận công nhân tìm cách học tiếp để nâng cao học vấn, tay nghề theo hình thức “vừa học vừa làm” hoặc học chính quy. Tuy nhiên, nữ công nhân đã lập gia đình có ít thời gian để theo đuổi việc học, do phải dành nhiều thời gian chăm sóc gia đình và con cái.

Đa số thanh niên đô thị, kể cả con em hộ nghèo không hào hứng với các chương trình học nghề ngắn hạn dù được sự hỗ trợ của Nhà nước. Những nguyên nhân chính là: (i) Người nghèo phải lo đi làm để có cái ăn trước mắt, không thể nghỉ làm dù chỉ trong một thời gian ngắn; (ii) Họ thích vừa làm vừa học, học nghề ngay tại xưởng hơn là theo các lớp học nghề chính thức; (iii) Người dân chưa tin tưởng về chất lượng của các lớp đào tạo nghề ngắn hạn.

Bất bình đẳng

Ba dạng “bất bình đẳng”(BBĐ) được nêu bật trong báo cáo, bao gồm “BBĐ về kết quả kinh tế” (các khía cạnh thu nhập, chi tiêu, tài sản),

“BBĐ về cơ hội” (tiếp cận giáo dục, y tế, việc làm) và “BBĐ về quá trình” (vai trò của quyền thế, quan hệ, tiền bạc). Hầu hết các nhóm nhận thấy **các dạng BBĐ liên quan chặt chẽ với nhau**, tuy nhiên mỗi nhóm có nhận thức khác nhau về từng dạng BBĐ.

Bất bình đẳng về kết quả

Hầu hết các nhóm cho rằng, **trong 5 năm qua BBĐ về kết quả kinh tế đang tăng lên ở các thành phố lớn**. Quá trình đô thị hóa là tác nhân quan trọng làm tăng chênh lệch về kinh tế. Người có việc làm ổn định, vị trí cao (quản lý doanh nghiệp, chủ phòng trọ, cán bộ Nhà nước) có đời sống sung túc hơn. Người lao động tự do hoặc vẫn làm nông nghiệp thu nhập không ổn định nên vẫn khó khăn. Một bộ phận có đất đai, vốn liếng đã kịp thời chuyển đổi sinh kế nên đã trở nên khá giả.

Tất cả các nhóm đều bày tỏ thái độ chấp nhận BBĐ về kết quả kinh tế, với điều kiện BBĐ đó là chính đáng do các yếu tố vốn, năng lực, trình độ, ý chí tiến thủ, biết chấp nhận rủi ro, chăm chỉ cũng như do vận mệnh (nguồn gốc gia đình, số phận). Tuy nhiên, họ không chấp nhận BBĐ do các yếu tố tham nhũng và kinh doanh phi pháp mà có.

Bất bình đẳng về cơ hội

BBĐ trong tiếp cận giáo dục đã được thu hẹp trong 5 năm qua. Nhiều hộ nghèo coi việc học hành của con cái là một hướng thoát nghèo và chịu đầu tư cho giáo dục. Tuy nhiên, khoảng cách về tiếp cận giáo dục vẫn còn cao ở các bậc học từ THPT trở lên, nhất là ở các vùng khó khăn.

Tuy nhiên, chênh lệch giữa người giàu và người nghèo đối với các dịch vụ giáo dục cao cấp ngày càng tăng. Người giàu có điều kiện kinh tế nên đầu tư cho con em nhiều hơn so với hộ nghèo. Họ thường lựa chọn “trường điểm, lớp chọn” cho con em mình, trong khi đó người nghèo thường chỉ cho con học theo đúng phân tuyến của ngành giáo dục. Những dịch vụ giáo dục chi phí cao (trường quốc tế, học tiếng Anh với người nước ngoài, du học...) hầu như chỉ dành cho con em hộ giàu.

BBĐ trong tiếp cận y tế đang tăng lên trong 5 năm qua. Người nghèo thường khám theo BHYT với chất lượng dịch vụ ở mức tối thiểu, trong khi người khá giả khám dịch vụ nên

thuận tiện hơn. Nhiều người phản ánh thái độ phân biệt đối xử của nhân viên y tế đối với người nghèo. Người giàu có tiền “phong bì” nên thường được nhân viên y tế quan tâm hơn.

BBĐ về tiếp cận việc làm được nhiều nhóm quan tâm, đặc biệt là nhóm thanh niên. Các bậc cha mẹ ở khu vực phía bắc (xã Kim Chung - Hà Nội và phường Lâm Hà - Hải Phòng) vẫn có tâm lý thích con cái làm tại khu vực công hơn so với khu vực tư, họ thường cho rằng làm “cán bộ” công việc ổn định và có nhiều cơ hội để thăng tiến và có thu nhập cao hơn. Tuy nhiên, số lượng việc làm trong khu vực công ít trong khi nhu cầu lớn, dẫn đến nhiều người dựa vào quan hệ và tiền bạc để có được việc làm. Nhóm hộ nghèo và thanh niên khá bức xúc với dạng BBĐ về cơ hội việc làm dựa vào quan hệ và tiền bạc này, cho rằng tình trạng này ngày càng tăng. Riêng tại khu vực phía nam (phường 6, Gò Vấp, TP HCM), vai trò của quan hệ và tiền bạc trong tiếp cận việc làm được cho là đã giảm đi, do cơ hội làm việc tại khu vực tư rất rộng lớn tại thành phố.

BBĐ việc làm giữa người bản xứ và người nhập cư được thể hiện trên khía cạnh cơ hội tiếp cận thông tin về thị trường lao động. Người dân đô thị có cơ hội tiếp cận thông tin tốt hơn so với người dân ở nông thôn, vì vậy việc lựa chọn nghề nghiệp của họ phù hợp với thị trường lao động hơn. Hạn chế về mối quan hệ tại đô thị cũng khiến cho sinh viên nhập cư mới ra trường khó xin việc hơn so với sinh viên bản xứ.

Bất bình đẳng về quá trình

BBĐ về quá trình được cho là ngày càng tăng trong 5 năm qua. Các nhóm nhấn mạnh đến **vai trò không chính đáng của quan hệ, quyền thế và tham nhũng, coi đây là yếu tố bao trùm, ảnh hưởng đến các dạng BBĐ khác**. Người có quan hệ, quyền thế ngày càng giàu hơn do tiếp cận với những nguồn lực và thông tin thuận lợi hơn.

Đa số các nhóm đều không chấp nhận các dạng BBĐ do sử dụng quan hệ, quyền thế không chính đáng gây ra, coi đây là bất công xã hội, làm người dân giảm lòng tin vào Nhà nước.

Tuy nhiên, một số nhóm thanh niên nhắc đến vai trò tích cực của “vốn xã hội” trong xin việc làm ở khu vực doanh nghiệp. Họ đánh giá

cao các mối quan hệ dựa trên khía cạnh thân quen, đồng hương giúp giới thiệu việc làm mà không đòi hỏi tiền bạc.

Xã hội hóa

“Nhà nước và nhân dân cùng làm”, “chung tay đóng góp” và “đa dạng hóa dịch vụ” là những cách hiểu phổ biến về “xã hội hóa” (XHH)⁴. Người dân thường coi xã hội hóa là có thêm nhiều loại hình dịch vụ giáo dục và y tế. **Khía cạnh “tham gia và trao quyền” của XHH được rất ít nhóm đề cập, cho thấy XHH đang bị hiểu lệch lạc ở cấp cơ sở.**

Đóng góp và chia sẻ kinh phí

Trong 5 năm qua, tại các điểm quan trắc có nhiều hoạt động xây dựng CSHT từ nguồn tiền XHH, như làm đường ngõ xóm, lắp ống nước, công tơ điện, đèn chiếu sáng, biển số nhà, trụ sở dân phố, thu gom rác..., góp phần cải thiện điều kiện sống của người dân.

Thông qua các cuộc vận động “Ngày vì Người Nghèo”, “Quý Mái ấm Tình thương”, “Quý Xóa đói Giảm nghèo”..., nhiều hộ nghèo, hộ khó khăn đã được giúp đỡ về nhà ở và đời sống.

Vào các đợt lễ Tết, hộ nghèo, hộ khó khăn đều có quà của phường/xã từ nguồn XHH. Nhiều mạnh thường quân, doanh nghiệp, cơ sở tôn giáo đã cùng chung tay hỗ trợ người nghèo bằng nhiều hình thức. Một số hoạt động quyên góp nhằm hỗ trợ chuyển đổi sinh kế cho người nghèo đô thị được người dân đánh giá cao. Điển hình là sáng kiến hỗ trợ xe máy cho người nghèo chạy xe ôm tại phường 6 (Gò Vấp, TP HCM) đã giúp một số hộ nghèo cải thiện cuộc sống.

Đóng góp kinh phí trong giáo dục là vấn đề được các nhóm đề cập đến nhiều nhất. Cha mẹ học sinh thường được huy động đóng góp nhiều khoản tiền. Ngoài những khoản để phục vụ nhu cầu thiết yếu của học sinh, còn có nhiều khoản khác dùng để cải tạo, tu bổ trường lớp, mua sắm đồ dùng, trang thiết bị dạy và học, tổ chức hoạt động ngoại khóa... Về cơ bản, xã hội hóa đã giúp cải thiện trường lớp, nâng cao điều kiện học tập cho học sinh.

Đa dạng hóa dịch vụ

Về giáo dục. Đa dạng hóa các loại hình giáo dục giúp mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục cho trẻ em, giúp tạo cơ hội học tập cho nhiều đối tượng khó khăn không có điều kiện học chính quy, họ có thể vừa học vừa làm. Tuy nhiên, người dân thường phàn nàn rằng, **XHH tạo ra xu hướng thương mại hóa quá đáng hoạt động giáo dục.** Nhiều mặt trái của giáo dục nảy nở, như học thêm tràn lan, chạy trường chạy lớp, đưa “phong bì” cho giáo viên...XHH còn góp phần tạo ra sự mất cân đối “thừa thầy thiếu thợ” trong giáo dục. Những năm gần đây có quá nhiều trường đại học tuyển sinh với điều kiện dễ hơn trước nhiều. Sinh viên đại học ra trường nhiều nhưng việc đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động hạn chế nên xin việc khó khăn, tỷ lệ làm trái ngành cao.

Về y tế. XHH y tế đã tạo điều kiện cho người dân có nhiều lựa chọn nơi khám chữa bệnh. Tại những địa bàn có hệ thống bệnh viện tư đã phát triển mạnh từ lâu (phường 6, Gò Vấp, TP HCM), người dân, nhất là nhóm hộ trung bình và khá, cho biết nhìn chung các bệnh viện tư có dịch vụ tốt, thái độ nhiệt tình và tình trạng “nhận phong bì” được giảm thiểu. Bệnh viện tư hiện cũng được nhận khám chữa bệnh theo BHYT, làm tăng sự cạnh tranh giữa bệnh viện tư và bệnh viện công có lợi cho người bệnh. Tuy nhiên, tại những địa bàn hệ thống bệnh viện tư mới phát triển (phường Lãm Hà, Hải Phòng), sự xuất hiện bệnh viện tư chưa giải quyết được vấn đề quá tải cho bệnh viện công do chi phí bệnh viện tư còn quá cao.

Tham gia và trao quyền

Các nhóm đều cho rằng, **xây dựng CSHT nhỏ dựa trên sự đóng góp của người dân là hoạt động có sự tham vấn, phản hồi, giám sát khá hiệu quả.** Khi làm một công trình CSHT nào đó thường thông qua nhiều cuộc họp bàn dân chủ, thống nhất ý kiến của người dân. Trong quá trình thực hiện, Ban giám sát nhân dân được thành lập, gồm cán bộ thôn/tổ dân phố và những người dân có hiểu biết, trách nhiệm. Ban thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động xây dựng và thông báo lại cho người dân qua họp thôn/tổ dân phố. Các

⁴ Theo Nghị định 73/1999/NĐ-CP ngày 19/8/1999 của Chính phủ, “xã hội hoá các hoạt động giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao là vận động và tổ chức sự tham gia rộng rãi của nhân dân, của toàn xã hội vào sự phát triển các sự nghiệp đó nhằm từng bước nâng cao mức hưởng thụ về giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao trong sự phát triển về vật chất và tinh thần của nhân dân.” Nghị định 73//1999/NĐ-CP sau đó được thay thế bởi Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ.

cuộc vận động đóng góp hỗ trợ người nghèo, người khó khăn cũng được thực hiện khá minh bạch, ai đóng góp bao nhiêu đều được nêu danh sách công khai.

Tuy nhiên, thực tế thường chỉ có cán bộ cơ sở, người khá giả đóng góp nhiều tiền của là có nhiều ý kiến về việc xây dựng CSHT tại địa phương. Người nghèo khả năng đóng góp thấp nên rất ít khi phát biểu, thường chỉ biểu quyết đồng ý theo số đông.

Trong giáo dục, hầu hết các hoạt động XHH đều từ nhà trường đưa xuống, rất ít ý tưởng xuất phát từ phía phụ huynh. Ban đại diện cha mẹ học sinh trên thực tế chưa đại diện cho nhóm cha mẹ nghèo. Bản thân cha mẹ học sinh thường ngại phát biểu ý kiến về đóng góp tiền vì cho rằng ý kiến của mình không có trọng lượng, hoặc ngại có ý kiến trái chiều sẽ ảnh hưởng đến việc học tập của con mình ở trường.

Ngoài ra, một số khoản đóng góp lặp đi lặp lại hàng năm để mua một loại thiết bị, đồ dùng giống nhau. Theo một số phụ huynh học sinh, nhiều loại thiết bị, đồ dùng không thể hao mòn hoặc bỏ đi trong vòng một năm học được. Điều này có thể dẫn đến sự nghi ngờ tính minh bạch, công khai việc sử dụng tiền đóng góp của nhà trường.

Mặt trái của xã hội hóa đối với giảm nghèo và bất bình đẳng

Lo ngại lớn nhất của người dân là nhiều khoản đóng góp trong phong trào XHH quá lớn so với thu nhập của hộ nghèo. Một số hoạt động về nguyên tắc có miễn giảm cho hộ nghèo nhưng hộ nghèo tin rằng nếu không đóng đủ thì họ sẽ nhận được dịch vụ kém hơn. Vai trò của ban đại diện phụ huynh trong các hoạt động XHH giáo dục còn thấp, chưa đại diện cho tiếng nói của phụ huynh nghèo. Hầu hết các nhóm thảo luận cho rằng họ chấp nhận việc đóng góp, nhưng họ khuyến nghị mức đóng góp của hộ nghèo cần giảm đi.

XHH giáo dục và y tế dẫn đến sự hình thành dịch vụ 2 cấp, làm gia tăng bất bình đẳng trong tiếp cận hai loại dịch vụ này. Trong giáo dục, người có tiền cho con em theo học tại những trường điểm, trường quốc tế; trong y tế, người có tiền được khám dịch vụ, chọn bác sĩ giỏi và dùng thuốc đặc trị đắt tiền. Theo đa số nhóm thảo luận, thái độ phục vụ cũng khác biệt rõ do ảnh hưởng của XHH, vì những người có tiền thường được đối xử tốt hơn so với những người không có tiền.

KẾT LUẬN: HƯỚNG ĐẾN GIẢM NGHÈO ĐÔ THỊ BỀN VỮNG

Trong 5 năm qua (giai đoạn 2008-2012), cuộc sống của đa số người nghèo đô thị tại các điểm quan trắc đã được cải thiện. Cơ sở hạ tầng tốt hơn, nhà cửa khang trang hơn, tài sản đầy đủ hơn, học hành của trẻ em được quan tâm hơn. Nhiều hộ gia đình đã vươn lên thoát nghèo nhờ chuyển đổi sinh kế hiệu quả và đầu tư cho giáo dục của con cái.

Tỷ lệ nghèo đô thị tại các thành phố lớn của Việt Nam đã ở mức thấp nếu xét đơn thuần theo các tiêu chí thu nhập hoặc chi tiêu, kể cả khi tăng chuẩn nghèo. Tuy nhiên, khi nhìn dưới góc độ nghèo đa chiều, tình trạng nghèo đô thị trầm trọng hơn nhiều. Thiếu học vấn và tay nghề, thiếu khả năng chuyển đổi sinh kế, thiếu vốn xã hội, hạn chế trong tiếp cận dịch vụ công, môi trường sống kém tiện nghi và thiếu an toàn là những hạn chế, bất lợi cơ bản của người nghèo bản xứ. Người nhập cư nghèo còn chịu thêm bất lợi đặc thù về chi phí cuộc sống cao ở đô thị, khó tiếp cận các dịch vụ công và hệ thống an sinh xã hội chính thức.

Người nghèo đô thị gặp nhiều bất lợi khi đối mặt với đa cú sốc. Đa số người nghèo đô thị tiếp cận kém với hệ thống an sinh xã hội, do họ thường làm việc trong các doanh nghiệp tư nhân nhỏ và trong khu vực phi chính thức. Các chính sách hỗ trợ bảo hiểm và các chương trình trợ cấp tiền mặt cần được cải tiến về xác định đối tượng thụ hưởng và mức hỗ trợ.

Chi phí giáo dục cao là một gánh nặng lớn với người nghèo đô thị. Hiện đang có sự mất cân đối về chất lượng nguồn nhân lực (đặc biệt về tay nghề kỹ thuật) với nhu cầu của thị trường lao động. Thanh niên tốt nghiệp THPT đang thiếu các thông tin hướng nghiệp khách quan và chuyên sâu. Các chương trình hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn cho người nghèo đô thị chưa phát huy hiệu quả. Công nhân làm việc trong các ngành thâm dụng lao động ít được trang bị các kỹ năng có thể chuyển đổi (khi xin việc tại doanh nghiệp khác). Nhiều thanh niên tốt nghiệp cao đẳng, đại học khó tìm kiếm việc làm phù hợp với ngành học.

Người dân ngày càng quan tâm đến các khía cạnh của bất bình đẳng. Chính sách xã hội hóa đã giúp huy động sự tham gia của toàn xã hội vào sự nghiệp giảm nghèo, giáo dục và y tế. Tuy nhiên, xã hội hóa vẫn thường được hiểu thiên về đóng góp kinh phí cho các dịch vụ, dẫn đến làm tăng gánh nặng tài chính cho người nghèo và góp phần gia tăng bất bình đẳng về tiếp cận dịch vụ.

Kết quả theo dõi nghèo trong 5 năm qua cho thấy, giảm nghèo đô thị tại Việt Nam đang gặp những thách thức mới và cần cách tiếp cận mới. Nếu các thách thức không được giải quyết đúng đắn, chất lượng cuộc sống của người nghèo bản xứ và nhập cư sẽ khó cải thiện, tính dễ bị tổn thương cao, và bất bình đẳng sẽ tiếp tục tăng lên. Báo cáo này trình bày tám đề xuất hướng đến hành động nhằm giảm nghèo đô thị bền vững, như sau:

- 1. Đo lường nghèo đa chiều để nhận diện đúng tình trạng nghèo đô thị.** Cần xây dựng một hệ thống theo dõi, đánh giá thường xuyên để thiết kế chính sách hỗ trợ các nhóm đặc thù, trong đó bao gồm bộ công cụ đo lường tác động của các cú sốc đến các nhóm khó khăn và dễ bị tổn thương. Đây sẽ là sự cải thiện đáng kể so với các đợt “rà soát nghèo” thuần túy theo thu nhập vào cuối năm.
- 2. Thiết kế các chính sách hỗ trợ thích hợp và không phân biệt đối xử đối với người nhập cư, không phụ thuộc vào tình trạng hộ khẩu.** Cần hỗ trợ người nhập cư về tìm kiếm và bảo đảm việc làm an toàn, tiếp cận hệ thống an sinh xã hội và giảm chi phí cuộc sống tại đô thị. Có thể cải thiện “vốn xã hội” của người nhập cư bằng cách tạo cơ hội tham gia nhiều hơn vào các hoạt động cộng đồng, dịch vụ tự giúp, sinh hoạt tổ nhóm, các hoạt động văn hóa, truyền thông về pháp luật và các kỹ năng sống với sự tham gia tích cực của các bên liên quan.
- 3. Quy hoạch đô thị và phân bổ ngân sách dựa trên qui mô tổng dân số bao gồm cả người nhập cư,** nhằm từng bước giải quyết sự quá tải của các dịch vụ nhà ở (chú trọng cấp thoát

nước, vệ sinh môi trường), dịch vụ giáo dục và y tế, trong đó ưu tiên đầu tư cho các địa bàn ngoại vi thành phố đang chuyển đổi có đông người nghèo và người nhập cư, nhất là những người ở cùng con nhỏ.

- 4. Đầu tư mạnh hơn cho chương trình giảm nghèo đô thị.** Việc làm tại đô thị gắn với tiền gửi về nhà của người nhập cư đóng vai trò quan trọng trong chiến lược sinh kế đa dạng hóa của cư dân nông thôn. Do đó chương trình giảm nghèo đô thị cần được phân bổ nguồn lực thích đáng hơn. Cần thực hiện nghiêm túc hướng dẫn của Bộ LĐ-TBXH về rà soát nghèo với những hộ ở trên địa bàn từ 6 tháng trở lên, không phân biệt về tình trạng hộ khẩu và tình trạng cư trú.
- 5. Xây dựng hệ thống chính sách an sinh xã hội toàn diện, dễ tiếp cận, không phân biệt đối xử với người nhập cư ở khu vực đô thị.** Mở rộng đối tượng được hỗ trợ mua thẻ BHYT nhằm đạt được mục tiêu BHYT toàn dân. Mở rộng đối tượng được nhận trợ cấp tiền mặt thường xuyên đến toàn bộ nhóm “nghèo lõi” ở đô thị và nhóm nghèo có con nhỏ. Có chính sách trợ cấp kịp thời cho nhóm gặp rủi ro dẫn đến đời sống khó khăn, bao gồm cả người nhập cư. Nâng mức trợ cấp tiền mặt để đạt được hiệu quả thực tế; đồng thời xây dựng cơ chế điều chỉnh kịp thời các mức hỗ trợ theo diễn biến giá cả. Xây dựng cơ chế chi trả thuận tiện và cơ chế tư vấn, giám sát trong các chương trình trợ cấp tiền mặt. Đồng thời, xây dựng cơ chế theo dõi, phản hồi về thực hiện các chính sách an sinh xã hội (thông qua các công cụ thẻ báo cáo công dân, kiểm toán xã hội, chất vấn công khai, phân tích ngân sách địa phương...).
- 6. Sửa đổi các chính sách hỗ trợ học nghề hiệu quả, dễ tiếp cận với lao động nghèo đô thị,** như các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo nghề cho công nhân, chính sách hỗ trợ các hình thức vừa học vừa làm gắn với các cơ sở ngành nghề dân doanh, các hiệp hội doanh nghiệp tại đô thị (không nhất thiết chỉ gắn với các “trung tâm dạy nghề” chính thức). **Tăng cường cung cấp thông tin hướng nghiệp khách quan, chuyên sâu cho nhóm học sinh tốt nghiệp THPT.**
- 7. Xây dựng cơ chế cụ thể nhằm tăng cường sự tham gia và trao quyền, nhất là trong giáo dục và y tế.** Kiểm soát chặt chẽ việc các nhà trường “vận động” cha mẹ phụ huynh đóng góp các khoản khác nhau, nhằm giảm chi phí giáo dục cho người nghèo đô thị.
- 8. Xây dựng các chính sách hiệu quả hơn nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, thúc đẩy trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, thúc đẩy chính thức hóa các hoạt động thuộc khu vực phi chính thức.** Các chính sách này trong trung và dài hạn sẽ có tác dụng hỗ trợ người nghèo, người nhập cư giảm rủi ro về việc làm và tiếp cận tốt hơn với hệ thống an sinh xã hội.

ActionAid là một tổ chức quốc tế chống đói nghèo làm việc tại hơn 40 quốc gia, sát cánh cùng người nghèo để chấm dứt đói nghèo và bất công. ActionAid Quốc tế tại Việt Nam (AAV) là một bộ phận của ActionAid Quốc tế (AAI) và chuẩn bị trở thành thành viên đầy đủ của Liên đoàn toàn cầu này. Mở văn phòng Đại diện tại Việt Nam năm 1992, AAV đã hoạt động tại Việt Nam được 20 năm với các chương trình phát triển dài hạn tại các khu vực (vùng núi) Tây Bắc, Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long và các khu vực nghèo đô thị. Áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người, AAV thực hiện các cam kết của mình thông qua 5 ưu tiên về chương trình: (1) Thúc đẩy các giải pháp sinh kế thay thế và nông nghiệp bền vững; (2) Nâng cao trách nhiệm giải trình và tính đoàn kết nhân dân nhằm thay đổi xã hội, tăng cường lãnh đạo trẻ và tín nhiệm xã hội dân sự; (3) Thúc đẩy bình đẳng trong tiếp cận giáo dục chất lượng cho trẻ em; (4) Ứng phó với tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu bằng các phương pháp lấy con người làm trung tâm; và (5) Xây dựng các giải pháp xã hội và chính trị cho phụ nữ và trẻ em gái.

www.actionaid.org/vi/vietnam

Oxfam là một liên minh quốc tế gồm 17 tổ chức cùng phối hợp hoạt động tại 94 quốc gia, hướng tới sự thay đổi toàn cầu nhằm xây dựng một tương lai không có bất công do đói nghèo. Tại Việt Nam, Oxfam là một trong các tổ chức phi chính phủ quốc tế hàng đầu hoạt động trong lĩnh vực phát triển nông thôn, phòng ngừa, ứng phó, giảm thiểu rủi ro với hiểm họa và thảm họa, cứu trợ nhân đạo, phát triển xã hội dân sự, dân tộc thiểu số và nâng cao vị thế của phụ nữ.

www.oxfam.org